



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA  
(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Thông tin về Tổng Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động**

30/GP/KDBH

ngày 28 tháng 2 năm 2005

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GPĐC35/KDBH ngày 19/ tháng 2 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Stephen Charles Beatty	Phó Chủ tịch điều hành
Ông Trần Doãn Đạt	Phó Chủ tịch Thường trực (từ ngày 7 tháng 7 năm 2023)
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tùng Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Trần Doãn Đạt	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023 đến ngày 6 tháng 7 năm 2023)
Ông Phạm Hữu Quốc	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Đặng Đình Tuấn	Thành viên độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Lê Thị Mai Loan	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Đỗ Lệ Trinh	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Doãn Đạt	Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 7 năm 2023)
Ông Stephen Charles Beatty	Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Ông Đoàn Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc Điều hành (từ ngày 2 tháng 3 năm 2023)
Ông Trần Văn Giang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 3 năm 2023)
Ông Lê Đình Mậu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Thông tin về Tổng Công ty (tiếp theo)**

Ông Võ Mạnh Tín	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Tường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thu Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Doãn Đạt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Huỳnh Kim Tự	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)

**Trụ sở đăng ký**

10 – 12 Đường số 52  
Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA) (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.


Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



  
Phạm Minh Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA) (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-01-01322-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>31/12/2022 VND (Đã điều chỉnh lại)</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)</b>	<b>100</b>		<b>905.866.101.770</b>	<b>758.298.338.058</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>44.510.990.178</b>	<b>20.576.054.889</b>
Tiền	111		39.510.990.178	20.576.054.889
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>517.000.000.000</b>	<b>490.222.459.682</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	6(a)	517.000.000.000	490.222.459.682
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>150.616.210.895</b>	<b>34.970.075.921</b>
Phải thu của khách hàng	131	7(a)	116.127.899.635	37.270.947.754
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>100.725.673.464</i>	<i>28.416.290.074</i>
<i>Phải thu khác của khách hàng</i>	<i>131.2</i>		<i>15.402.226.171</i>	<i>8.854.657.680</i>
Trả trước người bán	132		6.079.591	1.142.000
Các khoản phải thu khác	135	7(b)	39.462.040.757	2.023.233.637
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7(d)	(4.979.809.088)	(4.325.247.470)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.020.057.433</b>	<b>614.032.981</b>
Hàng tồn kho	141		1.020.057.433	614.032.981
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>121.428.083.121</b>	<b>38.059.545.747</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	116.558.884.610	38.015.690.753
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>		<i>22.176.379.197</i>	<i>14.142.615.433</i>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	<i>151.2</i>		<i>94.382.505.413</i>	<i>23.873.075.320</i>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.869.198.511	43.854.994
<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>71.290.760.143</b>	<b>173.856.168.838</b>
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	18(a)(ii)	58.518.366.034	39.107.184.461
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	18(a)(i)	12.772.394.109	134.748.984.377

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>31/12/2022 VND (Đã điều chỉnh lại)</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>57.203.564.659</b>	<b>67.597.425.138</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.567.080.814</b>	<b>9.494.382.575</b>
Phải thu dài hạn khác	218	7(c)	12.567.080.814	9.494.382.575
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		8.000.000.000	6.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		4.567.080.814	3.494.382.575
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.618.200.317</b>	<b>8.617.948.752</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.655.985.381	7.283.263.512
<i>Nguyên giá</i>	222		31.011.131.450	28.794.859.141
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.355.146.069)	(21.511.595.629)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	962.214.936	1.334.685.240
<i>Nguyên giá</i>	225		1.489.881.200	1.489.881.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(527.666.264)	(155.195.960)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		40.322.678.389	40.322.678.389
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.322.678.389)	(40.322.678.389)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.000.000.000</b>	<b>41.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	-	120.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	51.429.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	6(c)	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	6(b)	(36.429.000.000)	(85.000.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.018.283.528</b>	<b>8.485.093.811</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.018.283.528	8.485.093.811
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>963.069.666.429</b>	<b>825.895.763.196</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>600.666.255.240</b>	<b>445.889.162.640</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>597.923.787.915</b>	<b>442.868.110.449</b>
Phải trả cho người bán	312		77.864.418.409	33.963.187.692
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>	<i>13</i>	<i>77.801.646.809</i>	<i>32.932.926.610</i>
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>312.2</i>		<i>62.771.600</i>	<i>1.030.261.082</i>
Người mua trả tiền trước	313	14	17.143.707.857	24.494.496.545
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	16.579.382.285	8.346.748.895
Phải trả người lao động	315		7.165.795.726	6.463.626.893
Chi phí phải trả	316	16	6.717.180.201	7.110.111.557
Các khoản phải trả khác	319	17	32.581.305.168	31.944.938.001
<i>Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</i>	<i>319.1</i>		<i>11.358.235.233</i>	<i>10.127.380.682</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>319.2</i>		<i>21.223.069.935</i>	<i>21.817.557.319</i>
Dự phòng nghiệp vụ	329	18	439.871.998.269	330.545.000.866
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>18(a)(ii)</i>	<i>335.821.064.861</i>	<i>134.594.973.032</i>
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.2</i>	<i>18(a)(i)</i>	<i>70.894.582.885</i>	<i>168.151.894.608</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>329.3</i>	<i>18(b)</i>	<i>33.156.350.523</i>	<i>27.798.133.226</i>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.742.467.325</b>	<b>3.021.052.191</b>
Phải trả dài hạn khác	333		160.282.000	60.282.000
Phải trả thuê tài sản tài chính	334		948.909.840	1.236.364.216
Dự phòng phải trả dài hạn	336		1.633.275.485	1.724.405.975
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>362.403.411.189</b>	<b>380.006.600.556</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>362.403.411.189</b>	<b>380.006.600.556</b>
Vốn cổ phần	411		1.122.610.060.000	1.122.610.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.122.610.060.000</i>	<i>1.122.610.060.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		67.502.652.000	67.502.652.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		5.725.719.768	5.725.719.768
Lỗi lũy kế	421		(833.435.020.579)	(815.831.831.212)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>963.069.666.429</b>	<b>825.895.763.196</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm – phí bảo hiểm gốc	28.064.355.941	37.224.378.770
Ngoại tệ – USD	13.137.508	140.635.369

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Vũ Nguyên Hoàng  
Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trâm Châu  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

	Mã số	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	376.723.392.391	190.870.996.639
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	11	-	6.712.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	12	26.704.452.177	26.189.929.027
Thu nhập khác	13	34.225.237.689	256.331.441
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	369.031.348.378	162.520.903.817
Chi phí hoạt động tài chính	22	595.789.235	6.401.250.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	85.121.899.413	94.452.179.803
Chi phí khác	24	507.234.598	324.224.183
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10 + 11 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)</b>	<b>50</b>	<b>(17.603.189.367)</b>	<b>(39.669.300.851)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>(17.603.189.367)</b>	<b>(39.669.300.851)</b>
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>(157)</b>	<b>(379)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND (Đã điều chỉnh lại)</b>
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01		437.237.776.363	236.994.909.523
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	20(a)	612.097.790.934	275.296.125.000
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	20(b)	26.366.077.258	11.496.972.220
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	18(a)(ii)	201.226.091.829	49.798.187.697
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		83.230.956.938	61.966.726.870
Trong đó:				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	21	102.642.138.511	80.604.870.775
- Tăng dự phòng nhượng tái bảo hiểm	02.2	18(a)(ii)	19.411.181.573	18.638.143.905
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)</b>	<b>03</b>		<b>354.006.819.425</b>	<b>175.028.182.653</b>
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		22.716.572.966	15.842.813.986
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	17(i)	21.751.012.538	15.898.865.653
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		965.560.428	(56.051.667)
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>376.723.392.391</b>	<b>190.870.996.639</b>
Chi bồi thường (11 = 11.1)	11	22	158.425.760.707	54.961.102.524
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		158.425.760.707	54.961.102.524
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	12		55.073.861.825	17.911.971.675
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	13	18(a)(i)	(97.257.311.723)	100.818.942.759
	14	18(a)(i)	(121.976.590.268)	90.324.385.261
<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)</b>	<b>15</b>		<b>128.071.177.427</b>	<b>47.543.688.347</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND (Đã điều chỉnh lại)</b>
Tăng dự phòng dao động lớn	16	18(b)	5.358.217.297	2.061.882.265
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	235.601.953.654	112.915.333.205
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		37.410.967.572	19.900.019.043
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		198.190.986.082	93.015.314.162
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>369.031.348.378</b>	<b>162.520.903.817</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)</b>	<b>19</b>		<b>7.692.044.013</b>	<b>28.350.092.822</b>
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	20		-	6.712.000.000
Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 -21)</b>	<b>22</b>		<b>-</b>	<b>6.712.000.000</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	26.704.452.177	26.189.929.027
Chi phí hoạt động tài chính	24	25	595.789.235	6.401.250.155
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)</b>	<b>25</b>		<b>26.108.662.942</b>	<b>19.788.678.872</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	85.121.899.413	94.452.179.803
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 – 26)</b>	<b>30</b>		<b>(51.321.192.458)</b>	<b>(39.601.408.109)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Thu nhập khác	31	27	34.225.237.689	256.331.441
Chi phí khác	32		507.234.598	324.224.183
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>33.718.003.091</b>	<b>(67.892.742)</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(17.603.189.367)</b>	<b>(39.669.300.851)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>(17.603.189.367)</b>	<b>(39.669.300.851)</b>
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>(157)</b>	<b>(379)</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Vũ Nguyên Hoàng  
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Trâm Châu  
 Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(17.603.189.367)</b>	<b>(39.669.300.851)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	2.216.020.744	1.706.305.694
Các khoản dự phòng	03	212.975.912.380	44.730.388.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	185.529.793	88.680.390
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.447.760.618)	(31.999.841.448)
Chi phí cổ tức và lãi vay	06	-	4.621.023.975
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>171.326.512.932</b>	<b>(20.522.743.767)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(117.265.117.015)	(16.381.683.126)
Biến động hàng tồn kho	10	(406.024.452)	91.252.474
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	68.196.435.992	(218.825.707.312)
Biến động chi phí trả trước	12	(85.076.383.574)	(38.412.196.084)
		36.775.423.883	(294.051.077.815)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(39.746.678)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.775.423.883</b>	<b>(294.090.824.493)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.216.272.309)	(3.021.536.350)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	22	-	6.712.454.545
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(98.810.378.495)	(326.222.459.682)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	70.032.838.177	484.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	(145.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu	27	21.222.647.846	23.552.452.003
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.771.164.781)</b>	<b>40.520.910.516</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(287.454.376)	(104.528.864)
Tiền trả cổ tức	36	(2.596.339.644)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.883.794.020)</b>	<b>(104.528.864)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>24.120.465.082</b>	<b>(253.674.442.841)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>20.576.054.889</b>	<b>274.339.178.120</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b> <b>đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(185.529.793)</b>	<b>(88.680.390)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối</b> <b>năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>44.510.990.178</b>	<b>20.576.054.889</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Vũ Nguyên Hoàng  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Trâm Châu  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA) (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GP/KDBH do Bộ Tài chính (“BTC”) cấp ngày 28 tháng 2 năm 2005 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GPĐC35/KDBH ngày 19 tháng 2 năm 2024 do BTC cấp.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một (1) Trụ sở chính, một (1) văn phòng giao dịch chính và 51 chi nhánh tại nhiều thành phố và tỉnh thành tại Việt Nam (31/12/2022: một (1) Trụ sở chính, một (1) văn phòng giao dịch chính và 33 chi nhánh).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 627 nhân viên (31/12/2022: 401 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Các báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Những thay đổi trong chính sách kế toán**

**(a) Áp dụng Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023**

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (“Nghị định 46”) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 đã được Quốc hội thông qua. Nghị định 46 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, ngoại trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Nghị định 46 thay thế Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, ngoại trừ một số điều của Nghị định 73 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Nghị định 46 từ ngày 1 tháng 7 năm 2023. Những thay đổi trong chính sách kế toán của Tổng Công ty do việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Nghị định 46 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 4(f) trong báo cáo tài chính.

**(b) Áp dụng Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023**

Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 2 tháng 11 năm 2023, ngoại trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Thông tư 67 thay thế Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 73 và các thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50, ngoại trừ một số điều của Thông tư 50 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 từ ngày 2 tháng 11 năm 2023. Những thay đổi trong chính sách kế toán của Tổng Công ty do việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 4(l) và Thuyết minh 4(q) trong báo cáo tài chính.

**(c) Phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty đã tự nguyện thay đổi chính sách kế toán theo phương pháp hồi tố liên quan đến việc phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp nhằm cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty (xem Thuyết minh 4(e)(ii)).

Theo đó, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm kết thúc cùng ngày. Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 37.

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Ngoại trừ những thay đổi trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3, những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng nhất quán trong các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi theo tình trạng quá hạn như sau:

<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ dự phòng</b>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản phải thu trong hạn được quyết định bởi Ban Giám đốc Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

**(e) Chi phí trả trước ngắn hạn**

**(i) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 4(1)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

**(ii) Chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp chưa phân bổ**

***Trước ngày 1 tháng 1 năm 2023***

Toàn bộ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

***Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023***

Chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong thuyết minh 4(1)(i). Số dư của chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp chưa phân bổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng theo tỷ lệ được phê duyệt với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng công ty đã áp dụng hồi tố chính sách kế toán này và ảnh hưởng đến thông tin so sánh được trình bày ở Thuyết minh 37.

**(f) Ký quỹ bảo hiểm**

***Trước ngày 1 tháng 7 năm 2023***

Theo quy định của Nghị định 73, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng mà tài khoản ký quỹ đặt tại đó và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

***Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2023***

Theo quy định của Nghị định 46, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng mà tài khoản ký quỹ đặt tại đó và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 46 liên quan đến ký quỹ bảo hiểm đã làm tăng ký quỹ bảo hiểm với số tiền là 2.000.000.000 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| ▪ thiết bị máy vi tính          | 4 – 5 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển        | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng            | 3 – 5 năm  |
| ▪ tài sản cố định hữu hình khác | 4 – 15 năm |

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 4 năm.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1,5 đến 3 năm.

**(j) Phải trả cho người bán và phải trả khác**

Phải trả cho người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được mô tả tại Thuyết minh 4(1), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tổng Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Dự phòng nghiệp vụ**

***Trước ngày 2 tháng 11 năm 2023***

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 và Công văn số 15193/BTC-QLBH ngày 6 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 15193”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty.

***Kể từ ngày 2 tháng 11 năm 2023***

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 67 và Công văn 15193.

Việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 67 đối với dự phòng nghiệp vụ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

	<b><i>Hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ</i></b>	<b><i>Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe</i></b>
▪ Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng phí chưa được hưởng; và Dự phòng toán học
▪ Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường
▪ Dự phòng dao động lớn	Dự phòng dao động lớn	Dự phòng đảm bảo cân đối

Chi tiết về chính sách kế toán cho dự phòng nghiệp vụ như sau:

**Dự phòng nghiệp vụ cho các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ**

**(i) Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng theo phương pháp phí từng ngày (1/365).

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

**(ii) Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường tới ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng chưa được giải quyết.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được tính với tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

**(iii) Dự phòng dao động lớn**

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi quỹ dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành và được trích lập dựa trên phí bảo hiểm giữ lại và kinh nghiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty về dữ liệu quá khứ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – *Hợp đồng Bảo hiểm* (“VAS 19”), các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, BTC hiện chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng VAS 19 nên dự phòng dao động lớn được Tổng Công ty trích lập theo Công văn 15193 theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**Dự phòng nghiệp vụ cho các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe**

**(i) Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn một (01) năm trở xuống được tính theo phương pháp phí theo từng ngày (1/365).



**(ii) Dự phòng toán học**

Dự phòng toán học được trích lập cho các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên một (01) năm và được tính toán theo Công văn 15193 như sau:

- *Đối với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:*

Dự phòng toán học được trích lập cho số lớn hơn giữa dự phòng được tính toán theo phương pháp phí theo từng ngày (1/365) trên cơ sở phí bảo hiểm gộp và dự phòng được tính toán theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

- *Đối với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:*

Dự phòng toán học được tính toán theo phương pháp phí bảo hiểm thuần.

**(iii) Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường tới ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng chưa được giải quyết.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được tính với tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

**(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối**

Dự phòng trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(iii) Cổ phiếu ưu đãi**

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này phát hành không yêu cầu Tổng Công ty phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

**(n) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi số dư của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu phí bảo hiểm**

*Trước ngày 2 tháng 11 năm 2023*

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Thông tư 50.

*Kể từ ngày 2 tháng 11 năm 2023*

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Thông tư 67.

Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

Việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 67 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**(r) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Hoạt động tái bảo hiểm**

**(i) Nhận tái bảo hiểm**

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(e)(i).

**(ii) Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 4(1)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

**(t) Chi phí bồi thường bảo hiểm**

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

**(u) Chi phí khai thác bảo hiểm**

Chi phí khai thác bảo hiểm, ngoại trừ phần chi phí kinh doanh trực tiếp như đề cập ở Thuyết minh 4(e)(ii), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**(v) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(y) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	283.458.756	111.297.433
Tiền gửi ngân hàng	39.037.235.010	20.305.222.436
Tiền đang chuyển	190.296.412	159.535.020
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>44.510.990.178</u>	<u>20.576.054.889</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,8%.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

## 6. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND (*)	372.000.000.000	345.222.459.682
Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios (**)	145.000.000.000	145.000.000.000
	517.000.000.000	490.222.459.682
	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
Lãi suất năm của tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	3,8 – 6,8%	3,2 – 10,5%

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 307.000 triệu VND đã được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay các bên liên quan của công ty mẹ bao gồm Công ty Cổ phần Daffodils, Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng, Công ty Cổ phần E Power 1 và Công ty Cổ phần Hibiscus (31/12/2022: khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 287.000 triệu VND đã được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay các bên liên quan của công ty mẹ bao gồm Công ty Cổ phần Daffodils, Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy và Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 2). Khoản tiền gửi đem thế chấp này được Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital – Công ty mẹ bảo lãnh.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có khoản đầu tư chiếm 7,25% vào cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios - một cổ đông lớn của Công ty mẹ (31/12/2022: 7,25%). Tổng Công ty có quyền bán lại số cổ phần này cho cổ đông hiện hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios trước ngày 16 tháng 8 năm 2024 với mức lợi nhuận nhận được là 11%/năm tính trên mỗi cổ phần được mua lại.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012  
của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty con/công ty liên kết**

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu/ % quyền biểu quyết	31/12/2023			Số lượng	% sở hữu/ % quyền biểu quyết	31/12/2022		
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Đầu tư vào công ty con</b>											
- Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang (“ARESCO”)	Tỉnh An Giang, Việt Nam	-	-	-	-	-	120.000	85,71%	120.000.000.000	85.000.000.000	35.000.000.000
<b>▪ Đầu tư vào công ty liên kết</b>											
- Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang (“ARESCO”)	Tỉnh An Giang, Việt Nam	51.429	36,74%	51.429.000.000	36.429.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	-

ARESCO là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600948052 ngày 6 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp, và sau đó được sửa đổi nhiều lần, gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600948052 ngày 24 tháng 9 năm 2015. Hoạt động chính của ARESCO là đầu tư và kinh doanh các dự án bất động sản. Vào ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số AAA012020/HĐCNCP nhằm chuyển nhượng toàn bộ phần vốn chủ sở hữu tại đơn vị này cho một cá nhân với giá trị 35 tỷ VND. Bên mua đã thanh toán được 20 tỷ VND (Thuyết minh 14) tương đương 48,97% cổ phần của Aresco nhưng chưa hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần. Vào ngày 20 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã ký Phụ lục 02 (phụ lục được đính kèm và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số AAA012020/HĐCNCP ký ngày 14 tháng 8 năm 2020) nhằm hoàn tất việc chuyển nhượng 48,97% cổ phần Aresco nói trên cho bên mua, đồng thời cập nhật giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng với giá trị 15 tỷ VND tương đương 36,74% cổ phần của Aresco. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa nhận được số tiền còn lại nên thủ tục chuyển nhượng cổ phần chưa được thực hiện. Theo đó, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát tại ARESCO và thực hiện phân loại lại khoản đầu tư này thành khoản đầu tư vào công ty liên kết.

**(c) Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,8%. (31/12/2022: 6,8%).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**7. Các khoản phải thu**

**(a) Phải thu của khách hàng – ngắn hạn**

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu phí bảo hiểm gốc	52.458.923.483	17.465.869.834
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	9.363.063.552	3.091.863.768
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	38.903.686.429	7.858.556.472
	<hr/>	<hr/>
	100.725.673.464	28.416.290.074
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác của khách hàng bao gồm:

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	13.920.255.896	8.695.143.124
Phải thu khác	1.481.970.275	159.514.556
	<hr/>	<hr/>
	15.402.226.171	8.854.657.680
	<hr/>	<hr/>

**(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng chi phí kinh doanh	14.964.292.294	-
Phải thu lãi quá hạn từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	12.150.000.000	-
Phải thu phí cho việc thực hiện dịch vụ bảo đảm cho các khoản vay các bên liên quan	10.528.386.302	-
Phải thu khác	1.819.362.161	2.023.233.637
	<hr/>	<hr/>
	39.462.040.757	2.023.233.637
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ bảo hiểm (i)	8.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	4.567.080.814	3.494.382.575
	<hr/>	<hr/>
	12.567.080.814	9.494.382.575
	<hr/>	<hr/>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Nam Á – Hội sở chính và hưởng lãi suất năm từ 6,7% đến 6,8% (31/12/2022: ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và hưởng lãi suất hàng năm là 6,6%).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012  
 của Bộ Tài chính)

**(d) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
			Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu phí bảo hiểm gốc	1.967.211.371	1.305.745.218	1.276.141.833	248.580.591
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	4.275.811.696	2.973.275.500	2.406.033.600	71.182.273
Các khoản phải thu khác	1.386.133.461	700.788.370	643.072.037	185.475.098
	7.629.156.528	4.979.809.088	4.325.247.470	505.237.962

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	4.325.247.470	137.521.381.287
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	654.561.618	218.771.383
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(133.414.905.200)
Số dư cuối năm	4.979.809.088	4.325.247.470

## 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b> <b>(Đã điều</b> <b>chỉnh lại)</b>
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	22.176.379.197	14.142.615.433
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (ii)	94.382.505.413	23.873.075.320
	116.558.884.610	38.015.690.753

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	14.142.615.433	7.148.273.376
Tăng trong năm	45.444.731.336	26.894.361.100
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 23)	(37.410.967.572)	(19.900.019.043)
Số dư cuối năm	22.176.379.197	14.142.615.433

(ii) Biến động chi phí trả trước ngắn hạn khác trong năm như sau:

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Chi phí kinh</b> <b>doanh trực tiếp</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí kinh</b> <b>doanh trực tiếp</b> <b>VND</b> <b>(Đã điều</b> <b>chỉnh lại)</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	22.289.595.761	1.583.479.559	-	551.414.632
Tăng trong năm	183.747.441.888	35.689.916.084	71.142.489.113	15.095.317.733
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 23)	(113.887.082.007)	(35.040.845.872)	(48.852.893.352)	(14.063.252.806)
Số dư cuối năm	92.149.955.642	2.232.549.771	22.289.595.761	1.583.479.559

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012  
của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12  
năm 2023

	<b>Thiết bị máy vi tính VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	17.998.509.762	6.485.338.448	4.271.810.931	39.200.000	28.794.859.141
Tăng trong năm	469.009.764	1.260.882.545	-	486.380.000	2.216.272.309
Số dư cuối năm	18.467.519.526	7.746.220.993	4.271.810.931	525.580.000	31.011.131.450
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.374.469.570	3.899.271.136	4.234.678.157	3.176.766	21.511.595.629
Khấu hao trong năm	1.275.781.758	507.751.187	19.135.005	40.882.490	1.843.550.440
Số dư cuối năm	14.650.251.328	4.407.022.323	4.253.813.162	44.059.256	23.355.146.069
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	4.624.040.192	2.586.067.312	37.132.774	36.023.234	7.283.263.512
Số dư cuối năm	3.817.268.198	3.339.198.670	17.997.769	481.520.744	7.655.985.381

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Thiết bị máy vi tính VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	16.540.988.262	5.006.803.598	4.225.530.931	36.080.990	25.809.403.781
Tăng trong năm	1.457.521.500	1.478.534.850	46.280.000	39.200.000	3.021.536.350
Thanh lý trong năm	-	-	-	(36.080.990)	(36.080.990)
Số dư cuối năm	17.998.509.762	6.485.338.448	4.271.810.931	39.200.000	28.794.859.141
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12.184.679.050	3.568.817.580	4.206.989.265	36.080.990	19.996.566.885
Khấu hao trong năm	1.189.790.520	330.453.556	27.688.892	3.176.766	1.551.109.734
Thanh lý trong năm	-	-	-	(36.080.990)	(36.080.990)
Số dư cuối năm	13.374.469.570	3.899.271.136	4.234.678.157	3.176.766	21.511.595.629
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	4.356.309.212	1.437.986.018	18.541.666	-	5.812.836.896
Số dư cuối năm	4.624.040.192	2.586.067.312	37.132.774	36.023.234	7.283.263.512

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 9.030 triệu VND (31/12/2022: 8.626 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận chuyển	
	2023 VND	2022 VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1.489.881.200	-
Tăng trong năm	-	1.489.881.200
Số dư cuối năm	1.489.881.200	1.489.881.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	155.195.960	-
Khấu hao trong năm	372.470.304	155.195.960
Số dư cuối năm	527.666.264	155.195.960
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	1.334.685.240	-
Số dư cuối năm	962.214.936	1.334.685.240

## 11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	40.322.678.389
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	40.322.678.389
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	-

Toàn bộ tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022 đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ	
	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	8.485.093.811	388.900.472
Tăng trong năm	12.138.662.431	9.677.094.692
Phân bổ trong năm	(5.605.472.714)	(1.580.901.353)
Số dư cuối năm	15.018.283.528	8.485.093.811

**13. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả bồi thường và hoa hồng cho bảo hiểm gốc	17.897.571.370	11.933.796.515
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	59.797.551.742	20.925.086.247
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	106.523.697	74.043.848
	77.801.646.809	32.932.926.610

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tạm ứng của khách hàng để kinh doanh bảo hiểm trực tiếp	17.143.707.857	4.494.496.545
Tạm ứng của khách hàng để mua các khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 6(b))	-	20.000.000.000
	17.143.707.857	24.494.496.545

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	31/12/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.843.138.125	32.875.232.543	(25.384.031.629)	14.334.339.039
Thuế thu nhập cá nhân	1.498.488.981	5.539.377.827	(4.797.945.351)	2.239.921.457
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	185.238.993	(185.238.993)	-
Thuế khác	5.121.789	691.095.821	(691.095.821)	5.121.789
	8.346.748.895	39.290.945.184	(31.058.311.794)	16.579.382.285

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lương và thưởng cho nhân viên	5.237.213.455	4.650.693.719
Đóng góp quỹ phòng cháy chữa cháy	426.488.000	332.379.328
Các chi phí phải trả khác	1.053.478.746	2.127.038.510
	<hr/>	<hr/>
	6.717.180.201	7.110.111.557
	<hr/>	<hr/>

**17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (i)	11.358.235.233	10.127.380.682
Phải trả ngắn hạn khác (ii)	21.223.069.935	21.817.557.319
	<hr/>	<hr/>
	32.581.305.168	31.944.938.001
	<hr/>	<hr/>

(i) Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.127.380.682	6.494.791.812
Tăng trong năm	22.981.867.089	19.531.454.523
Phân bổ trong năm	(21.751.012.538)	(15.898.865.653)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.358.235.233	10.127.380.682
	<hr/>	<hr/>

(ii) Phải trả ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	2.184.254.332	898.341.044
Bảo hiểm y tế	14.635.082	22.188.974
Phải trả ngắn hạn khác	19.024.180.521	20.897.027.301
<i>Trong đó:</i>		
▪ <i>Phải trả cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi không hoàn lại</i>	2.058.105.932	4.654.445.576
▪ <i>Thuế thu nhập cá nhân của các đại lý</i>	3.008.572.234	2.636.527.051
▪ <i>Thuế thu nhập cá nhân của các nhân viên kinh doanh</i>	316.072.481	1.446.176.975
▪ <i>Phải trả khác</i>	13.641.429.874	12.159.877.699
	<hr/>	<hr/>
	21.223.069.935	21.817.557.319
	<hr/>	<hr/>

## 18. Dự phòng nghiệp vụ

### (a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	70.894.582.885	12.772.394.109	58.122.188.776
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	51.740.666.843	9.746.317.662	41.994.349.181
▪ Dự phòng IBNR	19.153.916.042	3.026.076.447	16.127.839.595
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	335.821.064.861	58.518.366.034	277.302.698.827
	406.715.647.746	71.290.760.143	335.424.887.603

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	168.151.894.608	134.748.984.377	33.402.910.231
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	159.548.101.694	132.330.838.254	27.217.263.440
▪ Dự phòng IBNR	8.603.792.914	2.418.146.123	6.185.646.791
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	134.594.973.032	39.107.184.461	95.487.788.571
	302.746.867.640	173.856.168.838	128.890.698.802

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

2023

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	168.151.894.608	134.748.984.377	33.402.910.231
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(97.257.311.723)	(121.976.590.268)	24.719.278.545
Số dư cuối năm	70.894.582.885	12.772.394.109	58.122.188.776

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

<b>2022</b>	<b>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng bồi thường thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	67.332.951.849	44.424.599.116	22.908.352.733
Dự phòng trích lập trong năm	100.818.942.759	90.324.385.261	10.494.557.498
Số dư cuối năm	168.151.894.608	134.748.984.377	33.402.910.231

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

<b>2023</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	134.594.973.032	39.107.184.461	95.487.788.571
Dự phòng trích lập trong năm	201.226.091.829	19.411.181.573	181.814.910.256
Số dư cuối năm	335.821.064.861	58.518.366.034	277.302.698.827

<b>2022</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND (2)</b>	<b>Dự phòng phí chưa được hưởng thuần VND (3) = (1) – (2)</b>
Số dư đầu năm	84.796.785.335	20.469.040.556	64.327.744.779
Dự phòng trích lập trong năm	49.798.187.697	18.638.143.905	31.160.043.792
Số dư cuối năm	134.594.973.032	39.107.184.461	95.487.788.571

(b) **Dự phòng dao động lớn**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	27.798.133.226	25.736.250.961
Trích lập dự phòng trong năm	5.358.217.297	2.061.882.265
Số dư cuối năm	33.156.350.523	27.798.133.226

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012  
của Bộ Tài chính)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ dự trữ bắt buộc VND</b>	<b>Lỗ lũy kế VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	1.122.610.060.000	67.502.652.000	5.725.719.768	(776.162.530.361)	419.675.901.407
Lỗ thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	-	(39.669.300.851)	(39.669.300.851)
Lỗ thuần trong năm theo báo cáo trước đây Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại (Thuyết minh 37)	-	-	-	(61.958.896.612)	(61.958.896.612)
	-	-	-	22.289.595.761	22.289.595.761
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 – đã điều chỉnh lại</b>	1.122.610.060.000	67.502.652.000	5.725.719.768	(815.831.831.212)	380.006.600.556
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(17.603.189.367)	(17.603.189.367)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	1.122.610.060.000	67.502.652.000	5.725.719.768	(833.435.020.579)	362.403.411.189



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**(b) Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	112.261.006	1.122.610.060.000	112.261.006	1.122.610.060.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	112.261.006	1.122.610.060.000	112.261.006	1.122.610.060.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	112.261.006	1.122.610.060.000	112.261.006	1.122.610.060.000

Danh sách các cổ đông của Tổng Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2022		
	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Cổ phần Bamboo Captital	797.053.150.000	71,00%	71,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	108.224.680.000	9,64%	9,64%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	59.276.200.000	5,28%	5,28%
Các cổ đông khác	158.056.030.000	14,08%	14,08%
	1.122.610.060.000	100%	100%

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

## 20. Doanh thu phí bảo hiểm

### (a) Phí bảo hiểm gốc

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	333.352.845.385	133.195.114.188
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	166.175.584.463	48.775.716.497
Bảo hiểm cháy, nổ	66.166.541.903	49.194.661.037
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	14.269.711.164	19.755.928.600
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	23.139.849.970	14.215.691.478
Bảo hiểm trách nhiệm chung	4.198.882.347	7.560.784.811
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	4.794.375.702	2.598.228.389
	<b>612.097.790.934</b>	<b>275.296.125.000</b>

### (b) Phí nhận tái bảo hiểm

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	165.248.736	39.621.530
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	12.500.000	-
Bảo hiểm cháy, nổ	21.981.708.859	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1.542.702.935	9.271.456.974
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	2.335.260.827	1.253.117.851
Bảo hiểm trách nhiệm chung	63.767.000	9.360.000
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	260.497.884	923.415.865
Bảo hiểm hàng không	4.391.017	-
	<b>26.366.077.258</b>	<b>11.496.972.220</b>

## 21. Phí nhượng tái bảo hiểm

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	7.954.513.578	5.897.724.327
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	61.689.600	55.987.200
Bảo hiểm cháy, nổ	62.124.474.462	41.826.269.102
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11.160.759.291	18.954.260.370
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	17.551.632.837	8.166.446.960
Bảo hiểm trách nhiệm chung	774.955.983	4.633.540.928
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3.014.112.760	1.070.641.888
	<b>102.642.138.511</b>	<b>80.604.870.775</b>

## 22. Chi bồi thường

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xe cơ giới	71.928.440.587	31.124.842.074
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	18.448.411.921	3.439.717.730
Bảo hiểm cháy, nổ	65.300.363.655	17.586.288.812
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	916.543.543	1.181.291.522
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	1.700.408.857	1.393.387.046
Bảo hiểm trách nhiệm chung	23.812.844	227.689.270
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	105.398.700	7.886.070
Bảo hiểm hàng không	2.380.600	-
	<hr/>	<hr/>
	158.425.760.707	54.961.102.524
	<hr/>	<hr/>

## 23. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(Đã điều chỉnh lại)</b>
Chi phí kinh doanh trực tiếp (Thuyết minh 8(ii))	113.887.082.007	48.852.893.352
Lương và chi phí liên quan	68.439.286.780	36.038.414.130
Hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 8(i))	37.410.967.572	19.900.019.043
Chi phí khác	15.864.617.295	8.124.006.680
	<hr/>	<hr/>
	235.601.953.654	112.915.333.205
	<hr/>	<hr/>



## 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.447.760.618	14.445.916.207
Lãi chênh lệch tỷ giá	256.691.559	902.542.124
Lãi từ kinh doanh trái phiếu	-	10.841.470.696
	26.704.452.177	26.189.929.027

## 25. Chi phí hoạt động tài chính

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	4.581.288.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	138.646.988
Chi phí tài chính khác	595.789.235	1.681.314.870
	595.789.235	6.401.250.155

## 26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lương và các chi phí liên quan	53.536.203.283	56.593.152.897
Dịch vụ thuê ngoài	23.485.814.502	29.794.708.236
Chi phí dụng cụ văn phòng	2.842.995.083	4.482.201.821
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.216.020.744	1.706.305.694
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.784.971.687	1.227.219.508
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7(d))	654.561.618	218.771.383
Thuế và lệ phí	233.790.244	106.314.528
Chi phí khác	367.542.252	323.505.736
	85.121.899.413	94.452.179.803

## 27. Thu nhập khác

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi quá hạn từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	24.650.000.000	-
Phí thực hiện dịch vụ bảo đảm cho các khoản vay các bên liên quan	9.571.260.274	-
Thu nhập khác	3.977.415	256.331.441
	<hr/> 34.225.237.689	<hr/> 256.331.441

## 28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(Đã điều</b> <b>chỉnh lại)</b>
Lỗi kế toán trước thuế	(17.603.189.367)	(39.669.300.851)
Thuế thu nhập tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(3.520.637.873)	(7.933.860.170)
Chi phí không được khấu trừ thuế	203.152.943	222.274.958
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.317.484.930	7.711.585.212
	<hr/> -	<hr/> -

### (b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thức ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bao gồm:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	36.429.000.000	7.285.800.000	85.000.000.000	17.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	185.529.793	37.105.959	88.680.390	17.736.078
Chi phí phải trả	2.338.719.885	467.743.977	4.110.693.719	822.138.744
Lỗi tính thuế	135.222.893.597	27.044.578.719	68.389.344.517	13.677.868.903
	174.176.143.275	34.835.228.655	157.588.718.626	31.517.743.725

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm phát sinh	Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	31/12/2023 Số lỗi được khấu trừ VND	31/12/2022 Số lỗi được khấu trừ VND (Đã điều chỉnh lại)
2018	2023	Chưa quyết toán	-	29.514.495.372
2022	2027	Chưa quyết toán	38.874.849.145	38.874.849.145
2023	2028	Chưa quyết toán	96.348.044.452	-
			135.222.893.597	68.389.344.517

Theo các quy định hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	2023		2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Số dư đầu năm	157.588.718.626	31.517.743.725	119.030.792.570	23.806.158.513
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	16.587.424.649	3.317.484.930	38.557.926.056	7.711.585.212
Số dư cuối năm	174.176.143.275	34.835.228.655	157.588.718.626	31.517.743.725

## 29. Lỗ trên cổ phiếu

### (a) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính toán dựa trên lỗ phân bổ cho cổ đông phổ thông là 17.603.189.367 VND (2022: lỗ 39.669.300.851 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 112.261.006 cổ phiếu (2022: 104.625.544 cổ phiếu), chi tiết như sau:

#### (i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023 VND	2022 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(17.603.189.367)	(39.669.300.851)

#### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 Cổ phiếu	2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	112.261.006	81.294.965
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ việc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi	-	23.330.579
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	112.261.006	104.625.544

#### (iii) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND/cổ phiếu	2022 VND/cổ phiếu (Đã điều chỉnh lại)	2022 VND/cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(157)	(379)	(592)

### (b) Lợi nhuận suy giảm trên cổ phiếu

Cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu về việc trình bày lợi nhuận suy giảm trên cổ phiếu là không áp dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thức ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

### 30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
	2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Cổ đông</b>				
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital – công ty mẹ</b>				
Thanh toán cổ tức ưu đãi	2.000.000.000	-	(2.028.816.317)	(4.028.816.318)
Chi phí tư vấn	7.684.663.440	6.411.851.852	-	-
Tiền thu phí bảo hiểm	1.631.646.557	462.001.720	-	-
<b>Công ty Cổ phần BCG Financial</b>				
Thanh toán cổ tức ưu đãi	547.036.717	-	-	(547.036.717)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – cổ đông lớn</b>				
Thu nhập lãi tiền gửi	690.191.781	594.135.361	115.671.233	90.630.137
Gửi tiền gửi ngắn hạn	25.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	98.000.000.000	-	-
<b>Công ty liên kết</b>				
<b>Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang</b>				
Tạm ứng cho công ty liên kết	27.540.000	53.300.000	450.340.000	422.800.000
<b>Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty</b>				
Lương và thù lao	8.734.143.478	4.903.083.668	-	-

## **31. Các công cụ tài chính**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### ***Tổng quan***

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác, ký quỹ bảo hiểm, phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác.

#### **(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	44.227.531.422	20.464.757.456
Đầu tư ngắn hạn	(ii)	372.000.000.000	345.222.459.682
Ký quỹ bảo hiểm	(ii)	8.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	100.725.673.464	28.416.290.074
Phải thu khác – gộp	(iii)	59.431.347.742	14.372.273.892
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	6.000.000.000	6.000.000.000
		<b>590.384.552.628</b>	<b>420.475.781.104</b>

**(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, ký quỹ bảo hiểm và đầu tư tài chính dài hạn khác**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, ký quỹ bảo hiểm và đầu tư tài chính dài hạn khác của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện của hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng đó. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản bảo đảm của khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	25.958.178.164	5.619.176.385
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	11.656.802.072	555.185.493
	<hr/>	<hr/>
	37.614.980.236	6.174.361.878
	<hr/>	<hr/>

Xem Thuyết minh 7(d) đối với chi tiết các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác đã quá hạn và được trích lập dự phòng.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý tài chính của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>1 – 5 năm VND</b>
Phải trả cho người bán	77.864.418.409	77.864.418.409	77.864.418.409	-
Chi phí phải trả	6.717.180.201	6.717.180.201	6.717.180.201	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.223.069.935	21.223.069.935	21.223.069.935	-
Phải trả dài hạn khác	160.282.000	160.282.000	-	160.282.000
	<b>105.964.950.545</b>	<b>105.964.950.545</b>	<b>105.804.668.545</b>	<b>160.282.000</b>

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>1 – 5 năm VND</b>
Phải trả cho người bán	33.963.187.692	33.963.187.692	33.963.187.692	-
Chi phí phải trả	2.459.417.838	2.459.417.838	2.459.417.838	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.817.557.319	21.817.557.319	21.817.557.319	-
Phải trả dài hạn khác	60.282.000	60.282.000	-	60.282.000
	<b>58.300.444.849</b>	<b>58.300.444.849</b>	<b>58.240.162.849</b>	<b>60.282.000</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không tham gia vào các giao dịch phòng ngừa tiền tệ vì chi phí cho các công cụ này vượt quá rủi ro tiềm tàng do biến động tỷ giá. Tại các ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	44.227.531.422	20.464.757.456
Đầu tư ngắn hạn	372.000.000.000	345.222.459.682
Ký quỹ bảo hiểm	8.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	6.000.000.000	6.000.000.000

**(e) Giá trị hợp lý**

**So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư ngắn hạn	372.000.000.000	(*)	345.222.459.682	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	8.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
▪ Đầu tư dài hạn khác	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	44.510.990.178	44.510.990.178	20.576.054.889	20.576.054.889
▪ Phải thu của khách hàng – thuần	96.446.652.746	(*)	24.734.114.641	(*)
▪ Các khoản phải thu khác – thuần	58.730.559.372	(*)	13.729.201.855	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	145.000.000.000	(*)	145.000.000.000	(*)
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả cho người bán	77.864.418.409	(*)	33.963.187.692	(*)
▪ Chi phí phải trả	6.717.180.201	(*)	2.459.417.838	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	21.383.351.935	(*)	21.877.839.319	(*)

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 232 và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

### **32. Rủi ro bảo hiểm và chính sách quản lý**

Rủi ro bảo hiểm chính là rủi ro trách nhiệm bồi thường. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh.

Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo các phương pháp được quy định như đã trình bày ở Thuyết minh 4(1).

Các rủi ro theo các hợp đồng bảo hiểm của các sản phẩm thông thường được giới hạn trong vòng 12 tháng.

Để giảm thiểu rủi ro bảo hiểm, Tổng Công ty đã thực hiện các nguyên tắc lựa chọn rủi ro, định giá theo rủi ro, mức trách nhiệm tối đa và thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan để hạn chế các tổn thất và tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt, việc xem xét chi tiết, điều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro bảo hiểm.

### **33. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	12.461.899.518	16.521.808.340
Trong vòng từ hai đến năm năm	23.916.930.983	39.610.858.908
	<hr/>	<hr/>
	36.378.830.501	56.132.667.248

### **34. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản đầu tư vào công ty con được ghi giảm thông qua hình thức cân trừ với khoản tạm ứng của khách hàng	20.000.000.000	-

### 35. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	500.000.000	400.000.000
Phí cho các dịch vụ khác	120.000.000	20.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>620.000.000</b>	<b>420.000.000</b>
	<hr/>	<hr/>

### 36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau ngày kết thúc niên độ, Tổng Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.122.610.060.000 VND lên 1.496.813.410.000 VND theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 30/GPĐC35/KDBH ngày 19 tháng 2 năm 2024 được Bộ Tài chính cấp.

### 37. Thông tin so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2022.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(c), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty đã thay đổi và áp dụng hồi tố chính sách kế toán đối với chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh trình bày số liệu theo báo cáo trước đây và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

#### (a) Bảng cân đối kế toán

	<b>31/12/2022</b>	<b>Các điều chỉnh</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(theo báo cáo</b>		<b>(đã điều</b>
	<b>trước đây)</b>		<b>chỉnh lại)</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	15.726.094.992	22.289.595.761	38.015.690.753
Lỗi lũy kế	(838.121.426.973)	22.289.595.761	(815.831.831.212)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết**  
**thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012*  
*của Bộ Tài chính)*

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>	<b>Các điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(đã điều</b> <b>chỉnh lại)</b>
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	115.304.909.923	(22.289.595.761)	93.015.314.162
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	184.810.499.578	(22.289.595.761)	162.520.903.817
Lỗ thuần sau thuế TNDN	(61.958.896.612)	22.289.595.761	(39.669.300.851)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(592)	213	(379)

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>	<b>Các điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(đã điều</b> <b>chỉnh lại)</b>
Lỗ trước thuế	(61.958.896.612)	22.289.595.761	(39.669.300.851)
Biến động chi phí trả trước	(16.122.600.323)	(22.289.595.761)	(38.412.196.084)

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Vũ Nguyên Hoàng  
 Trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trâm Châu  
 Kế toán trưởng



Phạm Minh Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

